

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/DS-PT
Ngày 28-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng
Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1961; địa chỉ: số A, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Ngô Thụy Thùy T, sinh năm 1979; địa chỉ: số K, đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1995; địa chỉ: số A, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Đỗ Ngô Như Q, sinh năm 2003; địa chỉ: số G, đường K, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông Nguyễn Văn P và bà Ngô Thụy Thùy T là bạn bè quen biết từ năm 2017 nên khi bà T ngỏ ý vay tiền vì gia đình đang gặp khó khăn thì ông P đồng ý cho bà T vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 29/01/2017, ông P cho bà T vay số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 02/01/2018, ông P cho bà T vay số tiền 200.000.000 đồng.
- Ngày 18/01/2018, ông P cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 23/02/2018, ông P cho bà T vay số tiền 15.000.000 đồng.
- Ngày 07/3/2018, ông P cho bà T vay số tiền 5.000.000 đồng.
- Ngày 06/4/2018, ông P cho bà T vay số tiền 13.000.000 đồng.
- Ngày 04/5/2018, ông P cho bà T vay số tiền 25.000.000 đồng.
- Ngày 17/5/2018, ông P cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 07/6/2018, ông P cho bà T vay số tiền 65.000.000 đồng.
- Ngày 22/6/2018, ông P cho bà T vay số tiền 6.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản của con gái bà T là bà Đỗ Ngô Như Q.

Khi ông P và bà T thỏa thuận vay mượn thì không đề cập đến lãi suất và tất cả các lần ông P cho bà T vay tiền đều thông qua hình thức chuyển khoản qua ngân hàng và chuyển vào tài khoản của bà T. Về thời hạn thanh toán thì bà T hẹn đến ngày 01/8/2020, khi ông P xuống nhà bà T tại Bình Dương thì bà T sẽ viết giấy nợ và ký hợp đồng mượn tiền. Tuy nhiên, khi ông P liên hệ gia đình bà T thì gia đình bà T không có thiện chí hợp tác và bà T cũng trốn tránh không thỏa thuận với ông P về việc trả nợ số tiền đã vay. Do nhận thấy quyền lợi bị xâm phạm nên ngày 14/6/2021 ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thụy Thùy T có trách nhiệm hoàn trả cho ông P số tiền đã vay là 489.000.000 (bốn trăm tám mươi chín triệu đồng).

Ngày 22/6/2022, ông Nguyễn Văn P có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Ngô Thụy Thùy T thanh toán số tiền lãi suất từ ngày 01/8/2020 đến ngày 22/6/2022 là $1,5\% \times 489.000.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ tháng} = 168.705.000 \text{ đồng}$ (một trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng).

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là toàn bộ các giấy nộp tiền từ ngày 29/01/2017 đến ngày 22/6/2018.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung, cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác.

Bị đơn bà Ngô Thụy Thùy T trình bày:

Bà Ngô Thụy Thùy T xác định ngày 15/01/2020, bà T và ông P có mối quan hệ quen biết thông qua mạng xã hội. Sau đó, hai người phát sinh tình cảm nên ông P có ý muốn chăm sóc, lo lắng cho bà T khi hoàn cảnh gia đình bà T gặp khó khăn. Do có tình cảm nên ông P hỗ trợ bà T tiền để sinh sống và tặng quà vào các dịp lễ, tết, sinh nhật. Cụ thể qua các lần ông P chuyển tiền vào tài khoản của bà T và cháu Quyên đều là các dịp sinh nhật bà T, sinh nhật cháu Quyên và chuyển tiền để mua quà, mua đồ

dùng cá nhân. Bà T xác định mối quan hệ giữa bà T và ông P là quan hệ tình cảm nên việc ông P chuyển tiền cho bà T cũng như nghĩa vụ của chồng lo cho vợ. Bà T không thừa nhận số tiền ông P đã chuyển khoản vào tài khoản của bà T là quan hệ vay mượn tiền. Bà T thừa nhận có nhận các khoản tiền như ông P đã liệt kê. Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 06/4/2022 và Biên bản hòa giải ngày 17/5/2022, bà T thừa nhận có nhận các số tiền mà ông P đã chuyển vào tài khoản và đồng ý thanh toán. Tuy nhiên, sau đó do ông P cho rằng bà T có hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản nên tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 02/6/2022 bà T không đồng ý hoàn trả các số tiền đã nhận từ ông P và xác định toàn bộ số tiền này là số tiền ông P cho bà T khi có quan hệ tình cảm như vợ chồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành V trình bày:

Ông Nguyễn Thành V là con của ông Nguyễn Văn P, số tiền 100.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 17/5/2018 thực chất là do ông Nguyễn Văn P vay ngân hàng và sau đó sử dụng tên của cá nhân ông V để chuyển khoản cho bà Ngô Thụy Thùy T. Hiện nay, ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu bà T hoàn trả số tiền đã vay và lãi suất thì đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Ngô Như Q trình bày:

Bà Đỗ Ngô Như Q là con của bà Ngô Thụy Thùy T và có quen biết ông Nguyễn Văn P khi bà T có quan hệ tình cảm với ông P. Tất cả các số tiền ông P chuyển khoản cho bà T để nhằm tặng quà sinh nhật, lễ tết mua sắm quần áo. Đối với số tiền 6.000.000 đồng ngày 22/6/2018 ông Nguyễn Văn P chuyển vào tài khoản của bà Q để cho bà T đi khám bệnh chứ không phải cho vay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P đối với bị đơn bà Ngô Thụy Thùy T về việc “Đòi tài sản”.

Bà Ngô Thụy Thùy T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 489.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi chín triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P đối với bị đơn bà Ngô Thụy Thùy T về yêu cầu thanh toán tiền lãi suất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/10/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà T trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 230.720.000 đồng (lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 01/8/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đối với số tiền lãi, nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng vay tài sản với bà T, ông P không có chứng cứ chứng minh bà T vay tiền nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của ông P là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Ngô Thụy Thùy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành V, bà Đỗ Ngô Như Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông V, bà Q theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Ngô Thụy Thùy T trả lại số tiền vay là 489.000.000 đồng và lãi suất của số tiền vay trên từ ngày 01/8/2020 đến ngày 22/6/2022 với mức lãi suất 1,5%/tháng x 23 tháng x 489.000.000 đồng với số tiền là 168.705.000 đồng. Như vậy, quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Đòi tài sản” là không đúng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Bị đơn bà T thừa nhận có nhận của nguyên đơn số tiền 489.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Nguyên đơn và bị đơn không thống nhất như sau: nguyên đơn cho rằng số tiền 489.000.000 đồng là tiền vay; bị đơn cho rằng số tiền trên là nguyên đơn cho bị đơn trong thời gian nguyên đơn và bị đơn có quan hệ tình cảm nên không đồng ý thanh toán lại cho ông P. Tuy nhiên, sau khi có bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn bà T có trách nhiệm trả cho ông P số tiền 489.000.000 đồng thì bà Phương không kháng cáo. Ông P là người có đơn kháng cáo.

[5] Xét kháng cáo ông Nguyễn Văn P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Đối với nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cha mẹ bà T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì cho rằng việc vay tiền là để cha mẹ bà T sửa nhà. Xét thấy, theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các tài liệu, chứng cứ do ông P cung cấp không có chứng cứ chứng minh số tiền 489.000.000 đồng liên quan đến cha mẹ của bà T nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cha mẹ bà T vào tham gia tố tụng là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.2] Do cha, mẹ bà T không liên quan đến tranh chấp giữa ông P với bà T nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét nghĩa vụ trả số tiền đã nhận đối với bà T là phù hợp nên kháng cáo của ông P cho rằng phải xem xét trách nhiệm trả nợ của cha, mẹ bà T là không có căn cứ.

Đối với bà Đỗ Ngô Như Q, theo đơn khởi kiện cũng như chứng cứ do ông P cung cấp thể hiện việc ông P có chuyển khoản số tiền 6.000.000 đồng qua tài khoản của bà Q là cho bà T và bà T xác nhận trong số tiền 489.000.000 đồng có số tiền 6.000.000 đồng trên, ông P không có chứng cứ chứng minh bà Q liên quan đến số tiền còn lại nên việc ông P kháng cáo cho rằng bà Q phải cùng có trách nhiệm với bà T trả số tiền 489.000.000 đồng là không có căn cứ.

[5.3] Về lãi suất:

Nguyên đơn ông P cho rằng số tiền 489.000.000 đồng là số tiền ông P cho bà T vay, bà T không thừa nhận là số tiền vay nhưng cho rằng số tiền trên là số tiền ông P hỗ trợ cho bà T mỗi khi bà T cần. Bà T thừa nhận có nhận tiền của ông P, bà T không chứng minh được ông P cho bà T số tiền trên. Do vậy, trong trường hợp này được xác định là ông P cho bà T vay tiền không lãi suất và không kỳ hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông P yêu cầu mức lãi suất 1,5%/tháng; theo đơn kháng cáo ông P kháng cáo, yêu cầu tính mức lãi suất 10%/12 tháng (0,83%/tháng) từ thời điểm ngày 01/8/2020 đến ngày 01/10/2022 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông P yêu cầu bà T trả lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng. Xét thấy, ông P yêu cầu tính lãi suất 1,5%/tháng nhưng quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm ông P không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông P cho bà T vay với lãi suất 1,5%/tháng nên không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông P có quyền yêu cầu bà T trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

Về thời hạn trả lãi, ông P yêu cầu tính thời hạn từ ngày 01/8/2020 theo chứng cứ là tin nhắn do ông P cung cấp nhưng tin nhắn được ông P tự chụp từ màn hình điện thoại của ông P, ông P lưu là “E Nhi SG”, bà T vắng mặt và ông P cũng không chứng minh được tin nhắn trên là từ số điện thoại của bà T và chứng cứ trên không đảm bảo giá trị chứng cứ theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, ông P có nộp kèm theo đơn khởi kiện là thông báo yêu cầu trả nợ không đề ngày và ghi tháng 10/2020 nhưng không chứng minh được việc thông báo cho bà T. Do vậy, trong trường hợp này về thời hạn tính lãi được tính từ ngày ông P có đơn khởi kiện bà T ngày 14/6/2021 đến ngày xét xử phúc thẩm (ngày 28/3/2023) là 21 tháng 14 ngày. Như vậy, số tiền lãi được xác định như sau: 489.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 21 tháng 14 ngày = 87.126.760 đồng.

[6] Từ những phân tích trên, kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần đối với yêu cầu tính lãi.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là không phù hợp.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn P là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông P được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P đối với bị đơn bà Ngô Thụy Thùy T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bà Ngô Thụy Thùy T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn P số tiền 576.126.760 đồng (năm trăm bảy mươi sáu triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 489.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi chín triệu đồng) và nợ lãi là 87.126.760 đồng (tám mươi bảy triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P đối với bị đơn bà Ngô Thụy Thùy T về yêu cầu thanh toán tiền lãi với số tiền 143.593.240 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm chín mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P được miễn án phí.

Bị đơn bà Ngô Thụy Thùy T phải chịu số tiền án phí 27.045.070 đồng (hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một ;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết